

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Văn Cương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tú – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXX-ST ngày 26/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 90 ngõ 604, tổ 25 phường NT, quận LB, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Quang L, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 10, tổ 12 phường NT, quận LB, Thành phố HN. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc K trình bày: Tôi và anh Lê Quang L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội ngày 03/01/2013. Quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh L luôn rượu chè, tụ tập bạn bè, cờ bạc không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình cũng khuyên giải nhiều nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn về đề nghị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn: Anh Lê Quang L không đến Tòa án do vậy không có ý kiến:

Tại phiên tòa: chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh L. Về con chung: chị xác định không có. Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc K. Đề nghị xử cho chị K được ly hôn với anh Lê Quang L. Về con chung: Không có. Tài sản chung: chị K không yêu cầu, anh L không đến Tòa do vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Chị K có đơn xin ly hôn anh L gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên. Công an phường Ngọc Thụy xác nhận anh L có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại tổ 20 phường NT, quận LB, Thành phố HN. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc K và anh Lê Quang L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 01 năm 2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị K trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh L luôn rượu chè, tụ tập bạn bè, cờ bạc không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tháng 10 năm 2017 chị K có đơn ly hôn anh L nhưng sau đó chị K lại rút đơn về. Đến đầu năm 2018 chị K lại tiếp tục có đơn xin ly hôn anh K. Sau khi Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh L đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của chị K nhưng anh L đều không có mặt. Xét thấy chị K xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn, anh L không đến Tòa, không có thiện chí đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được và đây cũng là căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu, anh L không đến Tòa do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc K.

Chị Nguyễn Thị Ngọc K sinh năm 1991 được ly hôn với anh Lê Quang L, sinh năm 1981

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị K đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 01 tháng 2 năm 2018 theo LB số AA/2017/0000048, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị K, vắng mặt anh L. Chị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Bản án gốc gồm có 03 tờ, các thành viên của HĐXX đọc lại công nhận đúng và cùng ký tên.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Nơi gửi:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Ngọc Thụy;
- Lưu TA

Hoàng Thị Thu Nga